



**Hanna Instruments S.R.L.**

**HI7022 – Dung dịch kiểm tra ORP 240 mV**

Số lần sửa đổi: 3  
Ngày: 10/10/2019  
Ngày in: 10/10/2019  
Trang: 1 / 9  
Phiên bản trước: 2 (12/6/2018)

## **PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

Theo Hazcom Liên Bang Hoa Kỳ 2012 và HPR Canada WHMIS 2015

### **PHẦN 1. Nhận biết chất/hỗn hợp & thông tin về công ty/nhà máy**

#### **1.1. Nhận biết sản phẩm:**

Mã sản phẩm **HI7021**  
Tên sản phẩm **Dung dịch kiểm tra ORP 240 mV**

#### **1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định:**

Mục đích sử dụng **Dung dịch kiểm tra cho điện cực ORP Platinum và vàng**

#### **1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất**

Tên công ty **Hanna Instruments S.R.L.**  
Địa chỉ **Str. Hanna Nr. 1**  
Quận và Thành phố **457260 Ioc. Nusfalau (Salaj)**  
**Rumani**  
Điện thoại **(+40) 260607700**  
Fax **(+40) 260607700**

Địa chỉ e-mail của người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất  
**sds@hannainst.com**

Sản phẩm được phân phối bởi: Hanna Instruments, Inc-584 Park East, Woonsochet, Rhode Island, USA 02895-  
Technical Service Contact Information: +1-800-426-6287

#### **1.4. Số điện thoại khẩn cấp**

Đối với các trường hợp khẩn cấp, tham khảo: **Số điện thoại khẩn cấp USA: +1-800-424-9300. Quốc tế: +1-703-527-3887- CHEMTREC 24 giờ/365 ngày**

### **PHẦN 2. Nhận biết các mối nguy hại**

#### **2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Sản phẩm này được phân loại thành chất nguy hại căn cứ theo các quy định được đưa ra theo tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200).

Các thông tin ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường sẽ được nêu rõ trong phần 11 và 12.

Phân loại và đánh giá nguy hại:

Biểu tượng nguy hại: --  
Tự hiệu: --  
Báo cáo nguy hiểm: --  
Báo cáo phòng ngừa: --  
Phòng ngừa: --  
Phản ứng: --  
Bảo quản: --  
Tiêu hủy: --

#### **2.2. Các nguy hại khác:**

Không có thông tin.

### **PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần**

#### **3.1. Đơn chất:**

Chưa có thông tin liên quan.

#### **3.2. Hỗn hợp:**

Sản phẩm này không được phân loại thành chất nguy hại cho sức khỏe con người và môi trường căn cứ theo các quy định được đưa ra theo tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200).

**PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu****4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu**

Không có thông tin cụ thể. Tuân thủ vệ sinh thiết bị công nghiệp được khuyến nghị

**4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, ngay lập tức và trì hoãn:**

Không có các tình huống gây tổn hại đến sức khỏe có thể quy cho sản phẩm được báo cáo.

**4.3. Dấu hiệu cần nhận chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt:**

Không có thông tin

**PHẦN 5. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy****5.1. Phương tiện chữa cháy****PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY THÍCH HỢP**

Phương tiện chữa cháy phải là loại thông dụng: các-bon đi-ô-xit, bọt, bột và phun nước.

**PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG THÍCH HỢP**

Không có thông tin cụ thể

**5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp:****CÁC NGUY HẠI DO TIẾP XÚC TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ CHÁY**

Không hít phải các sản phẩm cháy.

**5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa:****THÔNG TIN CHUNG**

Sử dụng vòi phun nước để làm mát thùng chứa, tránh hiện tượng phân hủy sản phẩm và phát triển các chất có thể gây nguy hại đến sức khỏe. Luôn đeo bộ thiết bị phòng chống hỏa hoạn đầy đủ. Thu gom nước chữa cháy để tránh chảy vào hệ thống cống rãnh. Xử lý nước chữa cháy đã sử dụng và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành.

**THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA**

Quần áo phòng cháy chữa cháy thông thường gồm bộ dụng cụ chống cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (Thông số kỹ thuật A29 và A30 của HO) kết hợp với thiết bị thở độc lập, mạch hở, áp suất dương, khí nén (BS EN 137).

**PHẦN 6. Xử lý hóa chất xả ra bất ngờ****6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Sử dụng thiết bị thở nếu khói hoặc bột được xả vào trong không khí. Áp dụng đối với nhân viên xử lý và các cá nhân liên quan trong các quy trình khẩn cấp.

**6.2. Các biện pháp phòng ngừa môi trường:**

Không được để sản phẩm thấm thấu đi vào hệ thống cống rãnh hoặc tiếp xúc với nguồn nước bề mặt hay nước ngầm.

**6.3. Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh**

Hạn chế sử dụng vật liệu trơ. Thu gom vật liệu càng nhiều càng tốt và loại bỏ phần còn lại bằng vòi phun nước. Vật liệu nhiễm bẩn phải được tiêu hủy theo các điều khoản đưa ra tại phần 13.

**6.4. Tài liệu tham khảo cho các phần khác**

Tất cả các thông tin về việc bảo hộ cá nhân và tiêu hủy đều được đưa ra trong phần 8 và 13.

**PHẦN 7. Xử lý và bảo quản****7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn:**

Trước khi xử lý sản phẩm, đọc toàn bộ các phần khác trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này. Tránh sản phẩm rò rỉ vào môi trường. Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi sử dụng.

**7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm các vật liệu không tương thích:**

Bảo quản sản phẩm trong các thùng chứa được dán nhãn rõ ràng. Đặt tránh xa các vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết thêm thông tin chi tiết.

### 7.3. Cách sử dụng cuối cụt thể

Không có thông tin

## PHẦN 8. Hạn chế tiếp xúc và bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Không có thông tin

### 8.2. Kiểm soát phơi nhiễm:

Khi sử dụng các thiết bị kỹ thuật phải luôn ưu tiên trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân, đảm bảo rằng nơi làm việc được thông thoáng. Tuân thủ các quy định bảo vệ cá nhân.

#### BẢO VỆ TAY

Bảo vệ tay bằng gang tay loại III (theo tiêu chuẩn OSHA 29 CFR 1910.138).

Nên xem xét các đặc tính khi chọn vật liệu gang tay: tính tương thích, sự lão hóa, thời gian hư hỏng, độ thấm.

Nên kiểm tra gang tay chống tác nhân hóa học trước khi sử dụng, vì đôi khi gang tay cao su sẽ phản ứng với hóa chất trong quy trình. Thời gian mòn của gang tay phụ thuộc vào thời gian sử dụng và loại gang tay.

#### BẢO VỆ DA

Mang giày và đồ bảo hộ dài tay. Tắm rửa bằng xà bông và nước sau khi tháo đồ bảo hộ.

#### BẢO VỆ MẮT

Đeo kính bảo hộ ( theo tiêu chuẩn OSHA 29 CFR 1910.133).

#### BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP

Không yêu cầu trừ khi có chỉ định khác trong đánh giá rủi ro hóa học.

#### KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Những khí phát thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất, bao gồm những khí được tạo ra từ thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường.

## PHẦN 9. Đặc tính lý hóa

### 9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản:

Ngoại quan	Chất lỏng
Màu sắc	Vàng
Mùi	Không mùi
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
pH	6.8
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bắt đầu	Không có thông tin
Dãi sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	Không có thông tin
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới	Không có thông tin
Giới hạn cháy trên	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi	Không có thông tin
Mật độ tương đối	175 mmHg
Khả năng hòa tan	Tan trong nước
Hệ số khuếch tán: n-octanol/nước	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Đặc tính nổ	Không có thông tin
Đặc tính oxi hóa	Không có thông tin

### 9.2. Thông tin khác:

Tổng các chất rắn (250<sup>0</sup>C/482<sup>0</sup>F) 2.38 %**PHẦN 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng****10.1. Khả năng phản ứng:**

Không có rủi ro phản ứng cụ thể với các chất khác trong điều kiện sử dụng bình thường.

**10.2. Tính ổn định hóa học:**

Sản phẩm ổn định trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

**10.3. Khả năng có phản ứng nguy hại:**

Không có các phản ứng nguy hại có thể dự đoán trong các điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

**10.4. Điều kiện cần tránh**

Không có thông tin cụ thể. Tuy nhiên, phải chú ý đến các biện pháp phòng ngừa thông thường áp dụng đối với các sản phẩm hóa chất.

**10.5. Vật liệu không tương thích**

Không có thông tin

**10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại**

Không có thông tin

**PHẦN 11. Thông tin về độc tính**

Trong trường hợp không có dữ liệu thực nghiệm cho chính sản phẩm, các mối nguy về sức khỏe được đánh giá theo các thuộc tính của các chất có trong đó, sử dụng các tiêu chí được chỉ định trong quy định hiện hành để phân loại. Do đó, cần phải tính đến nồng độ của các chất độc hại được nêu trong phần 3, để đánh giá tác động độc tính của việc tiếp xúc với sản phẩm.

**11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tính**

Trao đổi chất, độc tính, cơ chế hoạt động và thông tin khác

Thông tin không có sẵn

Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

Thông tin không có sẵn

Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Thông tin không có sẵn

Hiệu ứng tương tác

Thông tin không có sẵn

ĐỘC TÍNH CẤP

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

TỒN THƯƠNG MẮT NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

MÃN CẢM HỆ HÔ HẤP HOẶC DA

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘT BIẾN TẾ BÀO MÀM

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

**ĐỘC VỚI HỆ SINH SẢN**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**STOT – PHỐI NHIỄM MỘT LẦN**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**STOT – PHỐI NHIỄM NHIỀU LẦN**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP**

Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

**PHẦN 12. Thông tin về sinh thái**

Sử dụng sản phẩm này theo các thực hành làm việc tốt. Tránh xả thải. Thông báo đến các cơ quan có thẩm quyền nếu sản phẩm đi vào các nguồn nước hoặc xả vào đất hoặc nhiễm độc thực vật.

**12.1 Độc tính**

Không có thông tin

**12.2. Độ bền và khả năng phân hủy:**

Không có thông tin

**12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học**

Không có thông tin

**12.4. Khả năng di chuyển trong đất:**

Không có thông tin

**12.5. Các kết quả của đánh giá PBT và vPvB:**

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ phần trăm PBT hoặc vPvB vượt quá 0.1%.

**12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác**

Không có thông tin

**PHẦN 13. Cảnh nhắc khi tiêu hủy****13.1. Phương pháp tiêu hủy rác thải**

Sử dụng lại khi có thể. Phần cặn bã của sản phẩm phải được xem là rác thải nguy hại đặc biệt. Phải được tiêu hủy bởi một công ty quản lý rác thải được ủy quyền phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

**BAO BÌ NHIỄM BẮN**

Bao bì nhiễm bẩn phải được thu lại hoặc tiêu hủy theo các quy định quản lý rác thải quốc gia.

**PHẦN 14. Thông tin về vận chuyển**

Sản phẩm này không nguy hiểm theo các điều khoản hiện có của Quy định của châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ (ADR) và Đường sắt (RID), thuộc các quy định của Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển (IMDG) và Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).

**14.1 Số UN**

Không áp dụng

**14.2 Tên vận chuyển thích hợp theo UN**

Không áp dụng

**14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển**

Không áp dụng

**14.4. Nhóm bao bì**

Không áp dụng

**14.5. Các nguy hại đến môi trường**

Không áp dụng

**14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đối với người dùng**

Không áp dụng

**14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC**

Không có thông tin liên quan.

**PHẦN 15. Thông tin quản lý****15.1. Các quy định/luật pháp riêng biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với chất hoặc hỗn hợp:**Quy định của Liên bang MỹĐạo luật Không khí sạch Phần 112(b):

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Không khí sạch Phần 602 Nhóm I Hóa chất:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Không khí sạch Phần 602 Nhóm II Hóa chất:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm ưu tiên:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Đạo luật Nước sạch – Chất gây ô nhiễm độc hại:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Hóa chất DEA Loại I (Tiền chất):

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Hóa chất DEA Loại II (Hóa chất thiết yếu):

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Danh mục EPA:

Phần 313 Bộ danh mục:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

EPCRA 302 EHS TPQ:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

EPCRA 304 EHS RQ:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

CERCLA RQ:

7558-79-4            DI-SODIUM HYROGEN PHOSPHATE

EPCRA 313 TRI:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Mã RCRA:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

CAA 112 ( r ) RMP TQ:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

Quy định của Tiểu bang.

Massachussets:

7558-79-4            DI-SODIUM HYROGEN PHOSPHATE

Minnesota:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

New Jersey:

Không có (các) thành phần nào được liệt kê.

New York:

7558-79-4            DI-SODIUM HYROGEN PHOSPHATE

Pennsylvania:

7558-79-4            DI-SODIUM HYROGEN PHOSPHATE

California:

7558-79-4            DI-SODIUM HYROGEN PHOSPHATE

Đề luật California 65:

Sản phẩm này không chứa hóa chất được biết tại Tiểu bang California gây ra ung thư, có hại đối với sinh sản hoặc quái thai.

Quy định quốc tế

Hóa chất theo báo cáo xuất khẩu căn cứ Quy định (EC) 649/2012:

Không có.

Hóa chất theo Công ước Rotterdam:

Không có.

Hóa chất theo Công ước Stockholm:

Không có.



WHMIS của Canada:

Không có thông tin.

## **PHẦN 16. Thông tin khác**

Chỉ dẫn nguy hại (H) được đề cập trong phần 2-3 của phiếu:

### **CHÚ THÍCH:**

- 313 CATEGORY CODE: Kế hoạch khẩn cấp và Đạo luật Quyền được biết của cộng đồng Mục 313
- ADR: Quy định của châu Âu về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112® RMT TQ: Số lượng ngưỡng của kế hoạch quản lý rủi ro (Đạo luật về không khí sạch 112®)
- CAS NUMBER: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ Hiệu quả (cần thiết để giảm 50% tác động)
- CERCLA RQ: Số lượng báo cáo (Đạo luật trách nhiệm, bồi thường và đền bù môi trường toàn diện)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Cục Quản lý thi hành án
- EmS: Lịch trình khẩn cấp
- EPA: Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ
- EPCRA: Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp
- EPCRA 302 EHS TPQ: Số lượng lập kế hoạch ngưỡng cực kỳ nguy hiểm của chất gây nghiện (Mã danh mục phần 302)
- EPCRA 304 EHS RQ: Số lượng có thể báo cáo về chất cực kỳ nguy hiểm (Mã danh mục phần 304)
- EPCRA 313 TRI: Kiểm kê phát hành độc hại (Mã danh mục phần 313)
- GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất
- IATA DGR: Quy định Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường không.
- IC50: Nồng độ Cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
- IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế
- LC50: Nồng độ gây chết 50%
- LD50: Liều lượng gây chết 50%
- OEL: Mức độ Phơi nhiễm Nghề nghiệp
- PEL: Mức Phơi nhiễm Dự báo
- RCRA: Luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
- REL: Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
- RID: Quy định Quốc tế liên quan đến việc Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt
- TVL: Giá trị Giới hạn Ngưỡng
- TVL CEILING: Nồng độ không được vượt quá trong bất kỳ thời điểm nào của phơi nhiễm nghề nghiệp
- TSCA: luật kiểm soát chất độc hại
- TWA STEL: Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn
- TWA: Giới hạn Phơi nhiễm Trung bình tính theo Thời gian
- VOC: Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm nơi làm việc.

### **MỤC LỤC CHUNG**

- GHS rev. 3 (phiên bản 3)
- The Merck Index. 10<sup>th</sup> Edition (Xuất bản lần thứ 10)
- Handling Chemical Safety (An toàn khi Xử lý Hóa chất)
- Niosh –Registry of Toxic Effects of Chemistry Substances (Danh sách các Ảnh hưởng độc hại của Hóa chất)
- INRS – Fiche Toxicologique (toxicological sheet) (Bảng thông tin về độc tính)
- Patty – Industrial Hygiene and Toxicology (Độc tính và Vệ sinh Công nghiệp)
- N.I. Sax – Dangerous properties of Industrial Materials-7, 1989 Edition (Xuất bản vào tháng 7/1989)
- ECHA website (Trang web của ECHA)
  
- 6 NYCRR part 597 (Phần 597, tiêu đề 6, Bộ luật, Quy tắc và Quy định của New York)
- Cal/OSHA website (Trang web của Cal/OSHA)
- California Safe Drinking Water and Toxic Enforcement Act (Đạo luật Thực thi An toàn Nước uống và Độc tố California)
- EPA website (Trang web của EPA)
- Hazard Communication Standard (Tiêu chuẩn Thông tin về Nguy hại) (HCS 2012)
- IARC website (Trang web của IARC)
- List of Lists EPA: Consolidated List of Chemicals Subject to EPCRA, CERCLA and Section 112® of the Clean Air Act (Danh mục các Danh sách Hóa chất của EPA: Danh sách Tổng hợp các Hóa chất theo EPCRA, CERCLA và Mục



112® của Đạo luật Không khí Sạch)

- Massachusetts 105 CMR Department of public health 670.000: “Right to Know” (Massachusetts 105 CMR Sở Y tế Cộng đồng 670.000: “Quyền được biết”)
- Minensota Chapter 5206 Department of Labor and Industry Hazardous Substance, Employee “Right to Know” (Minensota Chương 5206 Sở Lao động và Hóa chất Công nghiệp Nguy hại, Công nhân “Quyền được biết”)
- New Jersey Worker and Community Right to Know Act N.J.S.A (Đạo luật về Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng của New Jersey, N.J.S.A)
- NTP. 2011. Report on Carcinogens, 12th Edition (Chương trình Độc học Quốc gia Hoa Kỳ. 2011. Báo cáo về Các Tác nhân gây ung thư, Xuất bản lần thứ 12)
- OSHA website (Trang web của OSHA)
- Pennsylvania, Hazardous Substance List, Chapter 323 (Pennsylvania, Danh sách Chất nguy hại, Chương 323)

Lưu ý cho người dùng:

Thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất được dựa trên kiến thức của chúng tôi vào phiên bản mới nhất. Người dùng phải làm rõ tính phù hợp và đầy đủ của thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm cụ thể.

Tài liệu này được xem là một sự bảo đảm về bất kỳ đặc tính cụ thể nào của sản phẩm.

Cách sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ các quy định và điều luật hiện hành về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các cách sử dụng không thích hợp.

Chúng tôi sẽ cử nhân viên được chỉ định đã qua đào tạo bài bản về cách thức sử dụng các sản phẩm hóa học.

Sản phẩm được phân loại dựa trên tiêu chí được thiết lập bởi OSHA Hazard Communication Standard (HCS) (29 CFR 1910.1200), trừ các quyết định trong phần 11 và 12. Dữ liệu của các giá trị về đặc tính lý-hóa trong phần 9.

Các phần thay đổi so với phiên bản trước:

Các phần dưới đây đã được sửa đổi:

08 / 09.